| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ YÊN BÁI**<br>**TỈNH YÊN BÁI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 32/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 6 - 2025
V/v: "Ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Kim Tuyến.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Hùng và bà Đặng Thị Hồng Duyên.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hà Thị Mai Huế -Thư ký Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Việt Cường và bà Phạm Thị Thu H - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1933.

Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện Â, tỉnh Hưng Yên.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1949.

Địa chỉ: Thôn X, xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Ông Đ, bà C vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 5 năm 2054, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - ông Nguyễn Văn Đ trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị C tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 26 tháng 3 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Â, tỉnh Hưng Yên. Sau khi kết hôn ông và bà C chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày dẫn đến hay xảy ra tranh cãi. Đến cuối năm 2009 thì bà C đã bỏ về Yên Bái sinh sống. Từ đó đến nay, ông và bà C không ai quan tâm đến cuộc sống riêng của nhau nữa. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị C.

- Về nuôi con: Ông và bà C không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chia tài sản, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản ghi lời khai ngày 09 tháng 5 năm 2025, bị đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:*

Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn như ông Đ trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, bà về chung sống với ông Đ được một thời gian ngắn thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp. Đến cuối năm 2009, bà chuyển về Yên Bái sống đến nay, bà và ông Đ không liên lạc hay quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Bà xác định tình cảm vợ chồng đã hết, ông Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà, bà đồng ý ly hôn.

- Về nuôi con: Bà và ông Đ không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái phát biểu ý kiến:*

+ Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án, cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, các thành viên của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các quyền, nghĩa vụ của đương sự đã được bảo đảm.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147; các Điều 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho ông Nguyễn Văn Đ được ly hôn với bà Nguyễn Thị C; Về án phí, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị C được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm; Về quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án "Ly hôn". Bị đơn - bà Nguyễn Thị C có hộ khẩu thường trú tại thôn X, xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Căn cứ khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị C tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Â, tỉnh Hưng Yên vào ngày 26 tháng 3 năm 2009 là hôn nhân hợp pháp. Ông Đ và bà C đều xác định sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp. Từ cuối năm 2009, bà C đã về sinh sống tại Yên Bái, ông Đ và bà C không liên lạc và quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã báo gọi các đương sự đến làm việc, hoà giải nhưng tại biên bản ghi lời khai bà C đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà do tuổi cao, đi lại khó khăn nên không đến làm việc được. Từ đó, có căn cứ cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Đ và bà C đã trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của ông Đ là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nuôi con, chia tài sản, nợ chung: Ông Đ và bà C không có con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết tài sản, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí:

Nguyên đơn, bị đơn là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà về việc giải quyết nội dung vụ án là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật, nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Đ được ly hôn với bà Nguyễn Thị C.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị C được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- Tòa án ND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TP. Yên Bái;
- Chi cục THADS TP. Yên Bái;
- UBND xã Bắc Sơn, huyện Ân Thi;
- Các đương sự (02);
- Lưu hồ sơ, TA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Nguyễn Thị Kim Tuyến**